

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2016**



# MỤC LỤC

SOCS

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b>	
1. Thông tin Công ty	2
2. Thông tin tổ chức niêm yết	2
3. Ngành nghề kinh doanh chính	2
4. Mô hình Quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5. Định hướng và chiến lược phát triển	6
6. Giải thưởng và các danh hiệu trong năm 2016.	7
7. Các rủi ro	8
<b>II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016</b>	8
1. Kết quả kinh doanh	9
2. Tổ chức và nhân sự	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	14
2. Cổ tức dự kiến năm 2016	15
3. Tình hình đầu tư chứng khoán	15
4. Công cụ quản lý chi phí	15
5. Kế hoạch marketing tiếp thị hình ảnh	15
6. Các chỉ tiêu tài chính qua các năm	15
7. Kế hoạch phát triển trong tương lai	16
8. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	16
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY</b>	16
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	15
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty	16
3. Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	16
4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	16
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	17
1. Danh sách thành viên HĐQT	18
2. Hoạt động của HĐQT	19
3. Ban kiểm soát	19
4. Các giao dịch, thủ lao và các khoản lợi ích của HĐQT và BKS	19
5. Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ	20
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	21
- Ý kiến kiểm toán	21
- Báo cáo tài chính được kiểm toán (phụ lục đính kèm)	22



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin công ty:

Tọa lạc vị trí trung tâm Thương mại và Du lịch của Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1968 với tên gọi ban đầu là Peninsula hotel.

Năm 1993, khách sạn được đổi tên “KHÁCH SẠN SÀI GÒN” thành lập theo quyết định số 88/QĐ-UB ngày 11/03/1993 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1997, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 213/QĐ-UB-KT do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố ban hành và hoạt động cho đến nay.

Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN  
Tên giao dịch : Saigon Hotel  
Địa chỉ : 41 – 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1 TP.HCM  
Số điện thoại : (84-08) 38299 734 Fax: (84-08) 38291 466  
Website : www.saigonhotel.com.vn  
Email : info@saigonhotel.com.vn/ sales@saigonhotel.com.vn

### 2. Thông tin tổ chức niêm yết:

Mã cổ phiếu : SGH  
Số cổ phiếu lưu hành : 12.364.100 cổ phiếu  
Vốn điều lệ : 123.641.000.000 đồng  
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/ cổ phiếu

Lịch sử cổ phiếu niêm yết:

- Ngày 19/07/2001 cổ phiếu SGH được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 09/07/2009, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận về nguyên tắc cho Công ty Cổ phần khách sạn Sài Gòn được niêm yết cổ phiếu tại SGDCK Hà Nội.
- Thứ năm, ngày 30/07/2009 cổ phiếu SGH chứng thực giao dịch tại sàn HNX Hà Nội cho đến nay.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300850255, đăng ký lần đầu ngày 12/4/1994 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

### 3. Ngành nghề kinh doanh chính:

Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê  
Kinh doanh ăn uống và vũ trường  
Dịch vụ du lịch, lữ hành quốc tế và trong nước  
Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm  
Dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn  
Vận chuyển khách du lịch  
Kinh doanh Karaoke  
Dịch vụ xoa bóp, dịch vụ xông hơi  
Mua bán rượu, mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước  
Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng  
Dịch vụ giặt, hấp ủi

#### **4. Mô hình về quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Quản trị Công ty: Công ty Cổ phần khách sạn Sài Gòn được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành. Theo đó, Công ty có hệ thống quản lý điều hành như sau:

**4.1 Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- + Thông qua kế hoạch kinh doanh của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị.
- + Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty.
- + Quyết định thành viên Hội đồng Quản trị.
- + Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, thông qua việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm giám đốc.
- + Quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ.

**4.2 Hội đồng Quản trị:** Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ 5 (năm) năm. HĐQT quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2017 gồm: 05 thành viên

- + Từ năm 2013 đến 20/4/2016:
  - Ông Trần Huy Thăng : Chủ tịch



- Ông Richard Duncan : Thành viên
  - Bà Lê Thị Hoàng Mai : Thành viên
  - Ông Kim Anders Odhner: Thành viên
  - Ông Nguyễn Văn Tân : Thành viên
  - + Từ 20/4/2016 đến 28/7/2016:
    - Ông Trần Huy Thăng : Chủ tịch
    - Ông Lý Chánh Đạo : Thành viên
    - Bà Lê Thị Hoàng Mai : Thành viên
    - Ông Chung Hán Lương: Thành viên
    - Ông Phạm Quang Vũ : Thành viên
  - + Từ 28/7/2016 đến 31/12/2016:
    - Ông Lý Chánh Đạo : Chủ tịch, thay cho Ông Trần Huy Thăng đã nghỉ hưu
    - Ông Trương Tấn Sơn : Thành viên
    - Bà Lê Thị Hoàng Mai : Thành viên
    - Ông Chung Hán Lương: Thành viên
    - Ông Phạm Quang Vũ : Thành viên
- Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động của Giám đốc công ty và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty gồm:
- + Quyết định kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - + Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược do Đại hội Đồng cổ đông thông qua.
  - + Bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty.
  - + Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
  - + Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức.
  - + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội Đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục xin ý kiến cổ đông thông qua các vấn đề quan trọng.
  - + Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.
  - + Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

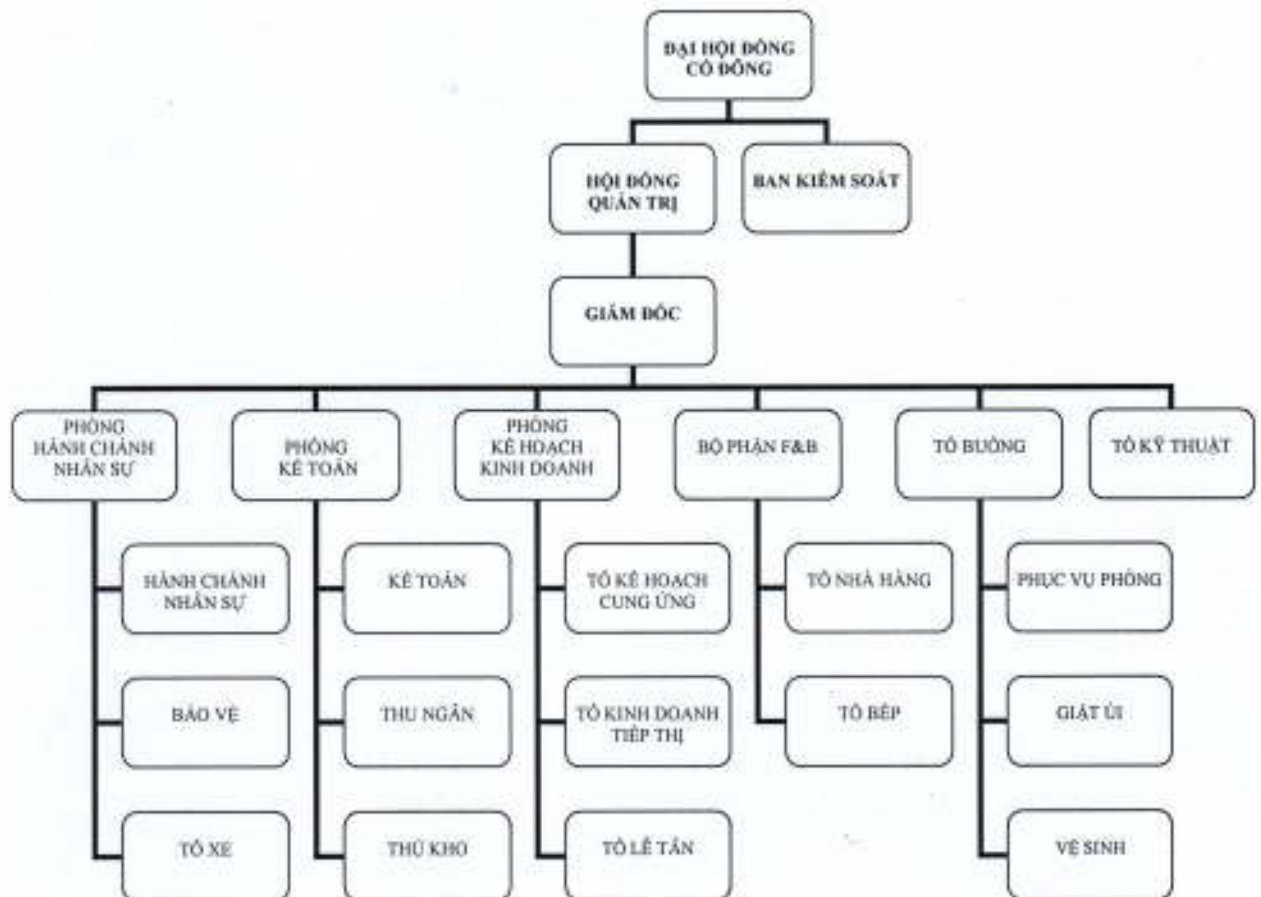
**4.3 Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần khách sạn Sài Gòn do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 (năm); thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ theo qui định tại Điều lệ Công ty. Quyền nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- + Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính.
- + Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT.
- + Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ có các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**4.4 Giám đốc Công ty:** Là người đại diện pháp luật, điều hành mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- + Quản lý và điều hành các hoạt động, các công việc hằng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
  - + Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
  - + Ký kết và tổ chức thực hiện các Hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - + Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty.
  - + Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ
- Các công ty con, công ty liên kết: Chưa phát sinh

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN



### 5. Định hướng và chiến lược phát triển:

- Trong một môi trường kinh doanh luôn biến động, từ thị trường khách lưu trú đến lượng cung khách sạn trong khu vực thay đổi theo chiều hướng tăng dần hằng năm, để tồn tại và phát triển bền vững việc định hướng chiến lược kinh doanh là một trong những vấn đề then chốt.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn cụ thể:



Luôn giữ vững chữ tín với khách hàng và các đối tác. Khẳng định thương hiệu trong lòng khách hàng về chất lượng phục vụ và sản phẩm dịch vụ. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức để hợp lý hóa việc phát huy nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

Đề cao chất lượng sản phẩm làm mục tiêu phấn đấu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Tận dụng ưu thế địa hình, vị trí để tạo sự khác biệt hóa sản phẩm trong đó chú trọng sản phẩm dịch vụ ăn uống, Hội nghị phục vụ tại chỗ dưới hình thức tạo nhiều thực đơn mới, lạ hấp dẫn giới thiệu đến khách hàng bên cạnh còn có các giải pháp kế hoạch để phát triển kênh tiệc outside.

Chiến lược tập trung đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực khách sạn, Nhà hàng ăn uống, phát triển kênh online. Tầm nhìn đến năm 2020 là khách sạn 3 sao hàng đầu trong khu vực, có thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế.

Khách sạn tập trung vào phân khúc thị trường du lịch MICE, phấn đấu trong 03 năm tới sẽ trở thành khách sạn uy tín của khúc thị trường này.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống KPIs (Key Performance Indicators) để đánh giá thực hiện công việc của các bộ phận, phòng ban và tất cả nhân viên.

– Mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của con em CBCNV trong Công ty và trong hệ thống Tổng công ty Sài Gòn Tourist bằng các đóng góp và tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương và các cơ quan hữu quan phát động.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty tuân thủ nghiêm túc các qui định của pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường như: hệ thống xử lý nước thải, báo cáo định kỳ công tác giám sát môi trường và thu gom chất phế thải...

Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của tổ chức Công đoàn trong Công ty; tham gia các hoạt động thiện nguyện – tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

Thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động trong Công ty.

## **6. Giải thưởng và các danh hiệu trong năm 2016**

- Danh hiệu khách sạn 3 sao hàng đầu Việt Nam năm 2016, do Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày 09/7/2016.
- Top 10 khách sạn 03 sao hàng đầu, giải thưởng do Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2016.



- Cùng nhiều giải thưởng của các kênh đặt phòng trực tuyến: Agoda, Hotels.com, Rakuten...

## 7. Các rủi ro:

**Rủi ro tín dụng:** Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Rủi ro cạnh tranh:** Khách sạn trong cùng khu vực Quận 1 liên tiếp hình thành và mở rộng hệ thống, giá cả cạnh tranh linh động, đây là rủi ro lớn đối với thị phần khách của khách sạn.

**Rủi ro về giá hàng hóa:** Công ty mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa.

**Rủi ro từ nguồn nhân lực:** Việc tuyển dụng lao động chuyên môn phù hợp ngành tại khu vực trung tâm ngày càng khó khăn, do chi phí lao động có xu hướng tăng và do sức hút của các đối thủ cạnh tranh đã kéo lượng lớn nguồn nhân sự của Công ty di chuyển sang nơi khác.

**Các rủi ro khác:** Đơn cử rủi ro về giá, Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này, rủi ro do bất ổn chính trị thế giới làm cho khách quốc tế e dè khi đi du lịch đến các nước Châu Á. Điều này ít nhiều ảnh hưởng tình hình kinh doanh của Công ty.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

### 1. Kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	
		Số tiền	%
<b>I/ Doanh thu</b>	<b>37.190.288.367</b>	<b>40.170.887.262</b>	<b>108</b>
- Doanh thu kinh doanh	35.542.240.000	38.398.448.856	108
+ Phòng ngủ	22.475.240.000	24.847.359.950	111
+ Nhà hàng	7.850.000.000	7.411.796.498	94
+ Phòng hội nghị	2.150.000.000	2.518.238.700	117

+ Cho thuê mặt bằng	2.347.000.000	2.710.390.543	115
+ Khác	720.000.000	910.663.165	126
- Thu phí phục vụ	1.648.048.380	1.772.438.406	108
<b>II/ Chi phí</b>	<b>30.253.220.380</b>	<b>28.201.998.244</b>	<b>93</b>
Trong đó:- Lương	8.630.762.400	10.174.314.959	118
- Phân bổ CCDC	2.840.000.000	2.173.270.807	77
- Khấu hao	4.000.000.000	3.724.283.537	93
- Tiền thuê đất	2.964.457.980	2.641.519.485	89
<b>III/ Chênh lệch (I-II)</b>	<b>6.937.068.000</b>	<b>11.968.889.018</b>	<b>173</b>
<b>IV/ Hoạt động tài chính</b>	<b>-940.000.000</b>	<b>-82.837.194</b>	<b>9</b>
- Trả lãi vay	1.120.000.000	984.256.631	88
<b>V/ Thu nhập khác</b>		<b>-258.832</b>	
<b>VI/ Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.997.068.000</b>	<b>9.130.317.720</b>	<b>152</b>
- Lợi nhuận kinh doanh	4.349.019.620	7.712.798.997	177
- Lợi nhuận PPV	1.648.048.380	1.417.518.723	86
<b>VII/ KHẤU HAO + LÃI VAY + LNTT</b>	<b>11.117.068.000</b>	<b>13.838.857.888</b>	<b>124</b>
VIII/ Thuế Thu nhập DN	1.229.398.940	1.787.237.082	145
IX/ Lợi nhuận sau Thuế TNDN	4.767.669.060	7.343.080.638	154

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

- Ông Đỗ Đăng Huy : Giám đốc Công ty – Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh : 09/09/1965
- + CMND số : 021722646 cấp ngày 27/12/2008 tại TP.HCM
- + Quốc tịch : Việt Nam – Dân tộc: Kinh
- + Địa chỉ thường trú : 119 Trần Hữu Trang, P10 Q. PN TP.HCM
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ học vấn : Cử nhân, kỹ sư điện tử, Cử nhân tài chính DN, Cử nhân Luật kinh tế.
- + Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- + Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm hiện tại): 0 cổ phần
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không



- + Thù lao và các lợi ích liên quan với Công ty: Được chi trả theo Quy chế trả lương và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bà Trần Thị Minh Hiếu : Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 01/8/2016)
  - + Giới tính : Nữ
  - + Ngày tháng năm sinh : 1975
  - + CMND số : 022844112 cấp ngày 11/04/2008 tại TP.HCM
  - + Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh
  - + Địa chỉ thường trú : 21/28 Lê Duy Nhuận, P12 Q. Tân Bình TP.HCM
  - + Trình độ văn hóa : 12/12
  - + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - + Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không
  - + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không
  - + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
  - + Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - + Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - + Thù lao và các lợi ích liên quan với Công ty: Được chi trả theo Quy chế trả lương và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân : Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 01/8/2016)
  - + Giới tính : Nữ
  - + Ngày tháng năm sinh : 1977
  - + CMND số : 023068261 cấp ngày                    tại TP.HCM
  - + Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh
  - + Địa chỉ thường trú : Số 05, Tầng 17, Cao ốc 86 Tân Đà P11 Q5 TP.HCM
  - + Trình độ văn hóa : 12/12
  - + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán.
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - + Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không
  - + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không
  - + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
  - + Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - + Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- + Thù lao và các lợi ích liên quan với Công ty: Được chi trả theo Quy chế trả lương và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## 2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2016, Ban Điều hành Công ty có sự thay đổi: Bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng là Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân thay cho Bà Trần Thị Minh Hiếu mãn nhiệm kỳ.

2.3 Số lượng cán bộ Công nhân viên đang làm việc tính đến thời điểm 31/12/2016 là 85 lao động.

2.4 Về các chính sách, chế độ đối với người lao động (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản...)

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cho người lao động cũng như luôn tuân thủ các chế độ báo cáo đối với cơ quan quản lý lao động theo quy định. Công ty đã tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát kết hợp với tham quan, team building tại Phan Thiết. Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: Kỳ HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, nghỉ phép; phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; chính sách đối với lao động nữ ...

Các chế độ phúc lợi khác:

- + Khám sức khỏe định kỳ, trang bị đồng phục làm việc.
- + Thương các dịp Lễ, thưởng thành tích cuối năm.
- + Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp công tác phí cho các đối tượng có liên quan...
- + Tạo điều kiện cho CBCNV tham qua, học tập, du lịch nhằm tạo dựng một tập thể đoàn kết và vững mạnh. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác nhân các ngày Lễ, các dịp kỷ niệm trong năm: Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty...
- + Về tiền lương: Lương bình quân: 6.437.709 triệu đồng/người/tháng; tăng 11% so với cùng kỳ năm 2015.
- + Thu nhập bình quân: 10.455.783 triệu đồng/người/tháng; tăng 12.3 % so với cùng kỳ năm 2015.

## 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2 Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có

## 4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính

- So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm gần nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thực hiện	34.586.338.013	40.170.887.262
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.696.548.777	11.886.051.824
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(979.911.010)	(82.837.194)
Lợi nhuận khác	485.436.812	(258.832)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.181.985.589	9.130.317.720



Lợi nhuận sau thuế	4.016.665.640	7.343.080.638
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	711	1.255

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016

– Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/ Nợ ngắn hạn)	Lần	2,48	19.11
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH- Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	Lần	2,40	18.98
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	33,49	4.55
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	50,35	4.77
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	Lần	35,01	34.14
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,46	0.27
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	11,61	18.28
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	8,08	5.20
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,37	4.96
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	13,58	22.73
<b>5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		711	1.255

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần đến ngày 23/9/2016:

STT	Cổ phiếu	2016	2015
1	Tổng số cổ phần	3.532.600	3.532.600
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.532.600	3.532.600
	2.1 Cổ phiếu phổ thông	3.532.600	3.532.600
	2.2 Cổ phiếu ưu đãi	0	0
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.532.600	3.532.600

3	3.1 Cổ phiếu lưu hành tự do	3.532.600	3.532.600
	3.2 Cổ phiếu hạn chế theo quy định	0	0
4	<b>Số lượng cổ phiếu giao dịch nước ngoài hoặc bảo trợ phát hành niêm yết tại nước ngoài</b>	0	0

## 5.2 Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông 23/9/2016 để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty

STT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>3.532.600</b>	<b>100%</b>
	1.1 Trong nước	3.503.680	99,18%
	1.2 Nước ngoài	28.920	0,82%
2	<b>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên (không tính cổ đông Nhà nước). Trong đó:</b>	1.595.560	45,16%
	2.1 Trong nước:	1.595.560	45,16%
	2.2 Nước ngoài:	0	0%
3	<b>Cổ đông nhà nước</b>	<b>1.372.600</b>	<b>38,86%</b>
4	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số cổ phần	346.160	9,79%
5	<b>Cổ đông cá nhân. Trong đó:</b>	<b>1.839.160</b>	<b>52,06%</b>
	5.1 Trong nước	1.813.120	51,33%
	5.2 Nước ngoài	26.040	0,73%
6	<b>Cổ đông tổ chức. Trong đó:</b>	<b>1.693.440</b>	<b>47,94%</b>
	6.1 Trong nước	1.690.560	47,86%
	6.2 Nước ngoài	2.880	0,08%
7	Công đoàn Công ty	0	0%
8	Cổ phiếu quỹ	0	0%

– Báo cáo số lượng cổ phiếu sở hữu của cổ đông lớn đến ngày 23/9/2016:

STT	Tên Công ty/ cá nhân sở hữu	Tổng số cổ phần	Ti lệ %
1	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV (đại diện cổ đông nhà nước)	1.372.600	38,86%
2	Lý Thanh Hùng	662.820	18,76%
3	Phạm Ái Quốc	617.300	17,47%
4	Công ty Cổ phần Bông sen	315.440	8,93%
5	Các cổ đông khác	564.440	15,98%
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.532.600</b>	<b>100%</b>

– **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Có thay đổi, thực hiện theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2016. Công ty tăng vốn điều lệ phát hành cổ phiếu ưu đãi



cho cổ đông hiện hữu; Tỷ lệ 10 : 25 (theo danh sách số 966/2016-SGH/VSD-DK, tổng hợp nhà đầu tư đăng ký đặt mua chứng khoán phát hành thêm).

Tổng số cổ phần tại thời điểm ngày 18/11/2016: 12.364.100 cổ phần. Trong đó:

- + Cổ phiếu phổ thông: 12.364.100 cổ phần, mệnh giá 10.000đ/ cổ phần.
- + Cổ phiếu khác: Không có
- + Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không có
- + Cơ cấu cổ đông đặt mua chứng khoán phát hành thêm:

STT	Tên Công ty/ cá nhân sở hữu	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV	4.804.100	38.86%
2	Lý Thanh Hùng	2.319.870	18.76%
3	Phạm Ái Quốc	2.160.550	17.47%
4	Công ty Cổ phần Bông sen	1.104.040	8.93%
5	Các cổ đông khác	1.975.540	15.98%
<b>Tổng cộng</b>		<b>12.364.100</b>	<b>100%</b>

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan pháp luật về bảo vệ môi trường và xã hội của Công ty:**

- Công ty nghiêm túc thực hiện đầy đủ các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 6 tháng/ 01 lần; Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép xả nước thải vào hệ thống thoát nước khu vực; qui định an toàn phòng chống cháy nổ; báo cáo quản lý chất thải vệ sinh môi trường (rác sinh hoạt, rác nguy hại... ).
- Ngoài ra Công ty tuân thủ đúng các quy định về quản lý chất thải nguy hại, phân loại riêng từng loại chất thải, bố trí khu vực riêng để lưu giữ an toàn. Theo dõi số lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế, lập chứng từ chất thải nguy hại mỗi lần chuyển giao cho nhà thầu vận chuyển.
- Các loại giấy phép: Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do tăng vốn điều lệ cấp ngày 29/12/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT Tp.Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 13.
- Tiêu thụ năng lượng: Công ty có sử dụng thiết bị năng lượng mặt trời nhằm tiết kiệm phần nào điện năng tiêu thụ. Ngoài ra Công ty cũng có chú trọng giờ tắt mở các thiết bị , điện, đèn ở các khu vực vào giờ không cần thiết...

- Lượng điện năng tiêu thụ trong tháng bình quân không vượt quá 52.022 KW. Lượng nước tiêu thụ không vượt quá 1.984 m<sup>3</sup>/tháng.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016:

Tổng doanh thuần	: 40.170.887.262.đồng;
Lợi nhuận trước thuế	: 9.130.317.720 đồng;
Lợi nhuận sau thuế	: 7.343.080.638 đồng;
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	: 1.255 đồng;
Tổng tài sản	: 147.886.157.455 đồng.

#### 2. Cổ tức năm 2016: Dự kiến mức cổ tức chia cho cổ đông dự kiến 2.0%/ cổ phần, Công ty sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

#### 3. Tình hình đầu tư chứng khoán: Tại ngày 31/12/2016, số lượng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông mà Công ty đang nắm giữ là 427.070 cổ phiếu, Do đây là cổ phiếu giao dịch trên thị trường phi tập trung, không dựa vào một mặt bằng giao dịch cố định như thị trường sàn giao dịch (thị trường giao dịch tập trung) mà chủ yếu dựa vào một hệ thống vận hành theo cơ chế chào giá cạnh tranh và thương lượng thông qua sự trợ giúp của các phương tiện thông tin. Theo đó, thông tin giá trên thị trường này chưa đáng tin cậy.

#### 4. Công cụ quản lý chi phí:

- Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc cấp phát chi phí theo định mức, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận.
- Luôn luôn đẩy mạnh công tác cải tiến đưa công nghệ kỹ thuật vào trong việc thiết kế và thi công trang trí khách sạn, tiết kiệm và tận dụng tối đa chi phí – công cụ trang trí trong các dịp Lễ hội...

#### 5. Marketing – tiếp thị hình ảnh:

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt và tích cực hơn nữa các giải pháp trong chiến lược Marketing. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm và đưa hình ảnh khách sạn Sài Gòn ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại.

#### 6. Các chỉ tiêu tài chính qua các năm:

Thống kê kết quả 3 năm (theo số liệu báo cáo đã kiểm toán) tài khóa kết thúc ngày 31/12 hằng năm như sau (*Đơn vị tính: Đồng*)

Các chỉ tiêu	2014	2015	2016
Doanh thu thuần	24.988.305.656	34.586.338.013	40.170.887.262
Lợi nhuận trước thuế	3.844.713.300	5.181.985.589	9.130.317.720
Lợi nhuận sau thuế	3.036.462.860	4.016.665.640	7.343.080.638



Lãi cơ bản trên cổ phiếu	542	711	1.255
Tổng tài sản	82.061.281.334	74.773.015.907	147.886.157.455

#### **6.1 Trả vốn vay ngân hàng trong năm 2016:**

- Tổng số tiền vay ngân hàng đầu năm: 19.904.829.929 đồng
- Trả vốn vay năm 2016: 19.904.829.929 đồng
- Thanh lý hợp lý vay ngân hàng trước hạn phải nộp tiền phạt vi phạm hợp đồng 159.048.299 (1% trên số tiền còn nợ ngân hàng 15.904.829.929).

#### **7. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Với vị thế hiện nay, Công ty gặp thuận lợi về cơ sở hạ tầng mới, vị trí đắc địa, sản phẩm dịch vụ mang phong cách riêng, chiến lược phát triển quan trọng năm nay là tạo sự khác biệt trong từng sản phẩm mang lại chuỗi giá trị cho Công ty.
- Tạo dựng uy tín và thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước, chiến lược tập trung sản phẩm và chú trọng đẩy mạnh khả năng tổ chức của người lãnh đạo, tạo dựng tốt hình ảnh Văn hóa công ty từ đó sẽ nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

**Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có**

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2016, Ban Điều hành cùng toàn thể CBCNV Công ty đã cùng nhau nỗ lực phấn đấu để đạt kết quả như đã báo cáo trên. HĐQT kỳ vọng khách sạn Sài Gòn sẽ tiến xa và phát triển không ngừng trong những năm kế tiếp.

Tuy cơ chế thị trường có xu hướng cạnh tranh nhau thông qua sản phẩm dịch vụ việc Công ty xây dựng được chính sách giá cạnh tranh như là một giải pháp nhằm tạo sự khác biệt hóa sản phẩm nhưng chính sách giá vẫn còn đóng vai trò rất quan trọng đối với những thị trường nhạy cảm về giá. Vì vậy, việc thu hút khách bằng hình thức nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường hoạt động quảng cáo thì Công ty còn sử dụng giá như một công cụ đặc lực để cạnh tranh và tăng cường thu hút khách.

#### **2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:**

Ban giám đốc thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ quy định. Ban giám đốc đã cùng các Cán bộ quản lý khác có nhiều nỗ lực thực hiện Kế hoạch kinh doanh của Công ty, Kết quả thực hiện các công việc được ĐHĐCD và HĐQT chỉ đạo như sau:

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 và Nghị quyết HĐQT;
- Quyết toán công trình trong năm 2016;
- Chuẩn bị tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;

**3. Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2016:**

- Chủ tịch HĐQT : 4.000.000đ/ tháng
- Thành viên HĐQT : 3.000.000đ/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 2.500.000đ/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 1.500.000đ/ tháng
- Thư ký HĐQT : 2.000.000đ/ tháng

**4. Định hướng của HĐQT về hoạt động Công ty**

HĐQT tập trung chỉ đạo phát triển kinh doanh, đẩy mạnh phát triển F&B đảm bảo doanh thu gia tăng và gia tăng giá trị lợi ích cho tất cả cổ đông; Chỉ đạo khai thác tối đa Nhà hàng, tìm kiếm đối tác chiến lược thuê mặt bằng tầng trệt, đồng ý đầu thầu sửa chữa lầu 1 theo hình thức chào giá cạnh tranh đảm bảo kế hoạch đưa vào khai thác kinh doanh. Bên cạnh việc chỉ đạo hoạt động kinh doanh HĐQT còn quan tâm sâu sát đến nhân tố con người trong việc hoàn thành sản phẩm dịch vụ trong khách sạn, công tác nhân sự cần có chính sách giữ nhân tài và đào tạo đội ngũ để phục vụ lâu dài, có hệ thống và tổ chức theo qui trình.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

**1. Danh sách thành viên HĐQT và cổ phần nắm giữ đến thời điểm 23/09/2016**

1.1 Ông Lý Chánh Đạo : Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 28/7/2016), thay cho Ông Trần Huy Thăng đã nghỉ hưu

Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 20/4/1964  
 CMND số : 021896676 Ngày cấp 05/12/2003 tại TP.HCM  
 Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Hoa  
 Địa chỉ : 333/1 An Dương Vương, P11 Q5 TP.HCM  
 Trình độ : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân.

Số cổ phần sở hữu đại diện vốn Công ty cổ phần Bông Sen: 315.440 cổ phần, tỉ lệ 8.93%

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không



1.2 Bà Lê Thị Hoàng Mai : Thành viên HĐQT

Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 1965  
CMND số : 021723563 cấp ngày 17/03/1998 tại TP.HCM  
Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ : 23 Lê Lợi, Q1 TP.HCM  
Trình độ : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán  
Số cổ phần sở hữu đại diện vốn TCTY DL Sài Gòn: 686.300 cổ phần, tỉ lệ 19.43%  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

1.3 Ông Trương Tấn Sơn : Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 22/12/1984  
CMND số : 023740157 Ngày cấp 10/01/2009 tại TP.HCM  
Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ : 60 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định Q1 TP.HCM  
Trình độ : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế.  
Số cổ phần sở hữu đại diện vốn TCTY DL Sài Gòn: 686.300 cổ phần, tỉ lệ 19.43%  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

1.4 Ông Chung Hán Lương : Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 15/05/1978  
CMND số : 023520266 cấp ngày 09/12/2011 Nơi cấp: CA. TPHCM  
Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Hoa  
Địa chỉ : 54 Phạm Phú Thứ P3 Q6 Tp. HCM  
Trình độ : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Tài chính – Đại học California LX  
Số cổ phần sở hữu : 617.3000 cổ phần, Tỉ lệ: 17,47%  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

1.5 Ông Phạm Quang Vũ	: Thành viên HĐQT
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 05/01/1976
CMND số	: 022994200
Quốc tịch	: Việt Nam, Dân tộc Kinh
Địa chỉ	: 351/56 Lê Văn Sỹ P13 Q3 TPHCM
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần sở hữu	: 662.820 cổ phần, tỉ lệ 18.76%
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các tiểu ban của HĐQT:	Không có

**Hoạt động của HĐQT:** HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm, số lượng thành viên HĐQT là 5 người. HĐQT duy trì hợp định kỳ theo quy định, sau mỗi cuộc họp đều có Biên bản và Nghị quyết theo đúng quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả thành viên HĐQT đều đã qua đào tạo quản trị Công ty đã và đang giữ nhiều vị trí chiến lược tại các Công ty.

2. **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ. Ban kiểm soát duy trì hợp thường kỳ theo quy chế hoạt động, có trách nhiệm giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty, kiến nghị khắc phục những sai phạm nếu có. Thường xuyên thông báo với HĐQT bằng văn bản về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, báo cáo Đại hội Đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh. Ban kiểm soát gồm 3 người (1 trưởng Ban, 02 thành viên). Trong đó, có 1 thành viên sở hữu (cá nhân) 6.800 cổ phần tại Công ty, không vi phạm pháp luật. Đảm bảo hoạt động đúng Điều lệ Công ty, tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT trong năm.

Trong năm 2016, Bà Nguyễn Ngọc Lan BKS xin từ nhiệm vì lý do sức khỏe và bầu bổ sung Ông Nguyễn Hồng Vinh tham gia thành viên BKS từ ngày 01/8/2016.

**Hoạt động của Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát một số lĩnh vực cụ thể: Kiểm soát hoạt động, kiểm soát báo cáo tài chính và kiểm soát tuân thủ, xem



xét việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông các Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo việc chấp hành các luật lệ và các qui định ban hành được Công ty tuân thủ và hợp pháp. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát gồm có:

2.1 Ông Trần Doãn Định : Trưởng Ban Kiểm soát  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 13/01/1978  
CMND số : 024959485  
Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc Kinh  
Địa chỉ : 1050/4/10 đường Quang Trung P8 Gò Vấp TPHCM  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Kiểm toán  
Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, tỉ lệ 0%  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.2 Bà Huỳnh Thị Minh Nguyệt: Thành viên Ban Kiểm soát  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 24/3/1973  
CMND số : 025050051  
Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc Kinh  
Địa chỉ : 803/23/10/23A Huỳnh Tấn Phát Q7 TPHCM  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại ngữ  
Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, tỉ lệ 0%  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.3 Ông Nguyễn Hồng Vinh : Thành viên Ban Kiểm soát  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 21/9/1985  
CMND số : 250644893  
Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc Kinh  
Địa chỉ : Chung cư 4S Riverside Garden TPHCM  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế  
Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, tỉ lệ 0%  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:**

Kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2016 là 300 triệu đồng.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Có (báo cáo đã nêu chi tiết tại phần thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu ở trên).

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật và Quản trị Công ty.

3.1 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.2 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 46 Trương Quyền, Phường 6 Quận 3 TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38204 899 Fax: (84-8) 38204 909

Website: www.uhyvietnam.com.vn

1. **Ý kiến của kiểm toán:** Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần khách sạn Sài Gòn, được lập ngày 13 tháng 02 năm 2017, từ trang 01 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên:** Là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc của kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính



chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán** (phụ lục đính kèm).

Toàn văn báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty đã được đăng tải trên website công ty theo địa chỉ [www.saigonhotel.com.vn](http://www.saigonhotel.com.vn) mục shareholder's information (Tiếng Anh) hoặc Nhà đầu tư (Tiếng Việt).

Người đại diện pháp luật của Công ty  
Giám đốc



Đỗ Đăng Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016





**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lý Chánh Đạo	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 28/07/2016)
Ông Trần Huy Thăng	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 28/07/2016)
Ông Trương Tấn Sơn	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/07/2016)
Ông Chung Hán Lương	Thành viên	
Bà Lê Thị Hoàng Mai	Thành viên	
Ông Phạm Quang Vũ	Thành viên	

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Trần Doãn Định	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/07/2016)
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/07/2016)
Bà Huỳnh Thị Minh Nguyệt	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám Đốc**

Ông Đỗ Đăng Huy	Giám đốc
-----------------	----------

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/07/2016 là Bà Trần Thị Minh Hiếu. Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/08/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại Chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đỗ Đăng Huy**  
Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 02 năm 2017 trình bày từ trang 06 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2014-112-1

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1828-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.853.067.668</b>	<b>19.132.548.694</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>89.556.058.614</b>	<b>12.246.375.937</b>
Tiền	111		1.781.450.611	1.082.264.909
Các khoản tương đương tiền	112		87.774.608.003	11.164.111.028
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.794.900.000</b>	<b>2.794.900.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6	2.794.900.000	2.794.900.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.413.949.039</b>	<b>3.146.432.310</b>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	131	7	3.045.445.977	3.016.532.727
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		210.680.000	71.250.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	157.823.062	58.649.583
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>727.852.012</b>	<b>586.349.811</b>
Hàng tồn kho	141	9	727.852.012	586.349.811
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>360.308.003</b>	<b>358.490.636</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	216.598.420	191.828.497
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	143.709.583	166.662.139
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.033.089.787</b>	<b>55.640.467.213</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		300.000.000	300.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.941.096.473</b>	<b>52.544.843.010</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	48.872.354.317	52.446.320.850
- Nguyên giá	222		84.770.033.400	84.954.593.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.897.679.083)	(32.508.273.068)
Tài sản cố định vô hình	227	11	68.742.156	98.522.160
- Nguyên giá	228		148.900.000	148.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.157.844)	(50.377.840)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>115.296.576</b>	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		115.296.576	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.676.696.738</b>	<b>2.795.624.203</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.676.696.738	2.795.624.203
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>147.886.157.455</b>	<b>74.773.015.907</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.739.663.820</b>	<b>25.041.905.367</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.065.663.820</b>	<b>7.712.075.438</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	430.387.378	644.960.680
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		79.384.319	108.648.713
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	821.142.852	492.959.011
Phải trả người lao động	314		2.941.277.337	1.814.204.142
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	346.785.000	77.254.706
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		62.587.488	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	191.199.322	217.409.502
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	4.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		192.900.124	356.638.684
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.674.000.000</b>	<b>17.329.829.929</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	1.674.000.000	1.425.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	-	15.904.829.929
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>141.146.493.635</b>	<b>49.731.110.540</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	18	<b>141.146.493.635</b>	<b>49.731.110.540</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.641.000.000	35.326.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.641.000.000	35.326.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(302.784.117)	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.303.364.068	3.303.364.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.636.738.729	9.233.571.517
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.011.176.814	6.585.253.055
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.625.561.915	2.648.318.462
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>147.886.157.455</b>	<b>74.773.015.907</b>



**Đỗ Đăng Huy**  
Giám đốc

**Huỳnh Thị Thanh Nhân**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thu Sương**  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	40.170.887.262	34.586.338.013
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>40.170.887.262</b>	<b>34.586.338.013</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	23.300.056.311	21.901.076.870
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.870.830.951</b>	<b>12.685.261.143</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	902.953.793	398.261.192
Chi phí tài chính	22	23	985.790.987	1.378.172.202
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>984.256.631</i>	<i>1.376.887.435</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	7.657.417.205	7.008.801.356
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.130.576.552</b>	<b>4.696.548.777</b>
Thu nhập khác	31	25	183.783.668	564.793.226
Chi phí khác	32	26	184.042.500	79.356.414
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(258.832)</b>	<b>485.436.812</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>9.130.317.720</b>	<b>5.181.985.589</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.787.237.082	1.165.319.949
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>7.343.080.638</b>	<b>4.016.665.640</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.255	711
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.255	711



**Đỗ Đăng Huy**  
Giám đốc

**Huỳnh Thị Thanh Nhân**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thu Sương**  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9.130.317.720</b>	<b>5.181.985.589</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.724.283.537	3.969.415.441
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.024.800)	(1.405.069)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(880.320.942)	(351.581.239)
Chi phí lãi vay	06	984.256.631	1.376.887.435
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>12.956.512.146</b>	<b>10.175.302.157</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(120.657.479)	3.275.276.757
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(141.502.201)	58.761.071
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	133.784.680	(3.161.167.357)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.094.157.542	2.603.738.840
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.006.511.337)	(1.386.103.176)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.549.958.837)	(1.299.867.918)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.460.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(923.293.263)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.445.991.251</b>	<b>10.265.940.374</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(235.833.576)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.172.727
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	756.414.248	377.410.702
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>520.580.672</b>	<b>379.583.429</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		88.012.215.883	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.904.829.929)	(8.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.766.300.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>66.341.085.954</b>	<b>(8.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>77.307.657.877</b>	<b>2.645.523.803</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	5	<b>12.246.375.937</b>	<b>9.599.447.065</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.024.800	1.405.069
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	5	<b>89.556.058.614</b>	<b>12.246.375.937</b>



**Đỗ Đăng Huy**  
Giám đốc

**Huỳnh Thị Thanh Nhân**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thu Sương**  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.641.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/07/2001, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, mua bán sách, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Mua bán sách (có nội dung được phép lưu hành);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế.

**1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỶ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, số lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh cũng như các chính sách thu hút khách du lịch của Nhà nước và các chính sách khuyến mãi về giá phòng của Công ty sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các Khách sạn đang ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

**2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỜI ĐOẢI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 7.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.1 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỜI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4.6 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/05/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

**4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí công cụ, dụng cụ có giá trị lớn được phân bổ trong vòng 24 tháng, kể từ thời điểm đưa công cụ, dụng cụ vào sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính.

**4.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13 NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**4.17 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.17 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
- Tiền mặt	29.791.000	79.665.000
- Tiền gửi ngân hàng	1.745.247.657	1.002.599.909
- Tiền đang chuyển	6.411.954	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	87.774.608.003	11.164.111.028
<b>Cộng</b>	<b>89.556.058.614</b>	<b>12.246.375.937</b>

(\*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

**6. CHỨNG KHOẢN KINH DOANH**

	Tại 31/12/2016 (VND)			Tại 01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>2.794.900.000</b>		-	<b>2.794.900.000</b>		-
- Tổng giá trị cổ phiếu	2.794.900.000		-	2.794.900.000		-
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông	2.794.900.000		-	2.794.900.000		-
- Tổng giá trị trái phiếu	-		-	-		-
- Các khoản đầu tư khác	-		-	-		-
<b>Cộng</b>	<b>2.794.900.000</b>	-	-	<b>2.794.900.000</b>	-	-

(\*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016 của 427.070 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông. Do đây là cổ phiếu được giao dịch trên thị trường phi tập trung, không dựa vào một mặt bằng giao dịch cố định như thị trường sản giao dịch (thị trường giao dịch tập trung), mà chủ yếu dựa vào một hệ thống vận hành theo cơ chế chào giá cạnh tranh và thương lượng thông qua sự trợ giúp của các phương tiện thông tin. Theo đó, thông tin giá trên thị trường này chưa đáng tin cậy.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.045.445.977</b>	<b>3.016.532.727</b>
- Công ty CP DV TM Giải trí Một Con Kiến	927.218.166	987.218.166
- Công ty TNHH MTV DV Lữ hành Saigontourist	115.420.000	90.843.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.002.807.811	1.938.471.561
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>116.820.000</b>	<b>90.843.000</b>
- Công ty TNHH MTV DV Lữ hành Saigontourist	115.420.000	90.843.000
- Công ty CP Bông Sen	1.400.000	-

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>157.823.062</b>	<b>58.649.583</b>
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	147.149.977	23.243.283
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	218.540	24.694.175
- Phải thu Bảo hiểm y tế	-	257.580
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
- Phải thu khác	5.454.545	5.454.545
<b>Dài hạn</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>457.823.062</b>	<b>358.649.583</b>

(\*) Là khoản ký quỹ bắt buộc tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) để cung cấp dịch vụ lữ hành theo quy định của Luật Du lịch.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	434.250.449	-	302.996.980	-
- Công cụ, dụng cụ	264.607.856	-	243.613.189	-
- Hàng hoá	28.993.707	-	39.739.642	-
<b>Cộng</b>	<b>727.852.012</b>	<b>-</b>	<b>586.349.811</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2016	70.790.425.839	11.597.125.934	2.567.042.145	84.954.593.918
- Mua trong năm	-	120.537.000	-	120.537.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(123.702.818)	(181.394.700)	(305.097.518)
Tại 31/12/2016	70.790.425.839	11.593.960.116	2.385.647.445	84.770.033.400
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 01/01/2016	28.730.008.133	2.858.246.133	920.018.802	32.508.273.068
- Khấu hao trong năm	2.445.764.462	1.010.174.331	238.564.740	3.694.503.533
- Thanh lý, nhượng bán	-	(123.702.818)	(181.394.700)	(305.097.518)
Tại 31/12/2016	31.175.772.595	3.744.717.646	977.188.842	35.897.679.083
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2016	42.060.417.706	8.738.879.801	1.647.023.343	52.446.320.850
Tại 31/12/2016	39.614.653.244	7.849.242.470	1.408.458.603	48.872.354.317

- Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 19.737.014.847 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý khách sạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>216.598.420</b>	<b>191.828.497</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ	206.969.420	114.175.375
- Chi phí chờ phân bổ khác	9.629.000	77.653.122
<b>Dài hạn</b>	<b>1.676.696.738</b>	<b>2.795.624.203</b>
- Chi phí công cụ chờ phân bổ	1.634.836.356	2.791.779.203
- Chi phí chờ phân bổ khác	41.860.382	3.845.000
<b>Cộng</b>	<b>1.893.295.158</b>	<b>2.987.452.700</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty TNHH SX TM May Minh Phụng	430.387.378	430.387.378	644.960.680	644.960.680
- Công ty TNHH Thực phẩm tươi 4M	112.014.790	112.014.790	-	-
- Thủy Hải Sản Bình Điền - Hoa Hương	46.209.038	46.209.038	-	-
- Công ty CP Điện máy R.E.E	46.818.500	46.818.500	-	-
- Công ty CP Giặt Ủi Việt	-	-	334.572.131	334.572.131
- Công ty TNHH KT SX TM Thành Trung	49.437.443	49.437.443	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	-	-	124.102.858	124.102.858
	175.907.607	175.907.607	186.285.691	186.285.691
<i>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	-	-	-	-
<i>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	-	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2016 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Tại 31/12/2016 VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	239.706.771	3.253.039.951	3.172.204.232	320.542.490
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.891.895	1.787.237.082	1.549.958.837	486.170.140
- Thuế thu nhập cá nhân	4.360.345	58.974.106	48.904.229	14.430.222
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.641.519.485	2.641.519.485	-
- Các khoản thuế khác	-	28.026.524	28.026.524	-
<b>Cộng</b>	<b>492.959.011</b>	<b>7.768.797.148</b>	<b>7.440.613.307</b>	<b>821.142.852</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.407.307	-	-	3.407.307
- Thuế thu nhập cá nhân	33.660.313	225.158.720	202.206.164	10.707.757
- Phí, lệ phí và các khoản khác	129.594.519	-	-	129.594.519
<b>Cộng</b>	<b>166.662.139</b>	<b>225.158.720</b>	<b>202.206.164</b>	<b>143.709.583</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>346.785.000</b>	<b>77.254.706</b>
- Trích trước tiền điện, nước, điện thoại ...	71.785.000	55.000.000
- Trích trước chi phí lãi vay	-	22.254.706
- Trích trước chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	275.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>346.785.000</b>	<b>77.254.706</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>191.199.322</b>	<b>217.409.502</b>
- Kinh phí công đoàn	55.876.395	73.165.479
- Bảo hiểm y tế	370.845	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	134.952.082	144.244.023
<i>Kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS</i>	<i>42.600.000</i>	<i>25.000.000</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.850.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả hoa hồng môi giới</i>	<i>66.915.389</i>	<i>101.903.490</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>22.586.693</i>	<i>17.340.533</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>1.674.000.000</b>	<b>1.425.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.674.000.000	1.425.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.865.199.322</b>	<b>1.642.409.502</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 31/12/2016		Trong năm		Ngày 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7	-	-	-	15.904.829.929	15.904.829.929	15.904.829.929
<b>c) Các khoản nợ thuế tài chính</b>	-	-	-	-	-	-
<b>d) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	19.904.829.929	19.904.829.929	19.904.829.929

Trong năm 2016, Công ty đã phát hành thêm 8.831.500 cổ phiếu và đã trích một phần số tiền thu được để thanh toán bộ số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 7.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Trong tháng 10 và tháng 11 năm 2016, Công ty đã phát hành 8.831.500 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ 10:25 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, cứ mỗi 10 quyền mua được mua thêm 25 cổ phiếu mới).

Số tiền thu được trong đợt phát hành là 88.315.000.000 đồng, chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu là 302.784.117 đồng.

Mục đích chào bán: đảm bảo khả năng tài chính để chuyển đổi việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE), cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty và đầu tư sở hữu quyền sử dụng đất lâu dài thay vì trả tiền thuê đất mỗi năm.

Chi tiết vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH MTV	38,86%	48.041.000.000	38,86%	13.726.000.000
Ông Lý Thanh Hùng	18,76%	23.198.700.000	18,76%	6.628.200.000
Ông Phạm Ái Quốc	17,47%	21.605.500.000	17,47%	6.173.000.000
Công ty Cổ Phần Bông Sen	8,93%	11.040.400.000	8,93%	3.154.400.000
Các cổ đông khác	15,98%	19.755.400.000	15,98%	5.644.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>123.641.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>35.326.000.000</b>

**18.2 TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Theo Nghị quyết HĐQT số 33/HĐQT-NQ ngày 15/07/2016, kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

Kế hoạch sử dụng tiền	Giá trị	Năm thực hiện dự kiến
1. Cơ cấu khoản nợ và lãi vay	25.000.000.000	Năm 2016
2. Đầu tư sở hữu Quyền sử dụng đất lâu dài	63.315.000.000	Năm 2016
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.315.000.000</b>	

Trong tháng 12/2016, Công ty đã sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để thanh toán toàn bộ số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh 7 với giá trị là 19.904.829.929 đồng.

Công tác đầu tư sở hữu Quyền sử dụng đất lâu dài đang được tiến hành và tiếp tục thực hiện trong năm 2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2016	Năm 2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.326.000.000	35.326.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	88.315.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	123.641.000.000	35.326.000.000
Lợi nhuận năm 2015 đã chia cổ tức trong năm nay	1.766.300.000	-

**18.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	12.364.100	3.532.600
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	12.364.100	3.532.600
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.364.100	3.532.600
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.364.100	3.532.600
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.364.100	3.532.600
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại 01/01/2015</b>	35.326.000.000	-	1.868.174.955	3.303.364.068	6.797.253.055	47.294.792.078
- Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.016.665.640	4.016.665.640
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN năm 2014	-	-	-	-	(212.000.000)	(212.000.000)
- Lợi nhuận từ phí dịch vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	-	(1.225.347.178)	(1.225.347.178)
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(143.000.000)	(143.000.000)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>35.326.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>3.303.364.068</b>	<b>9.233.571.517</b>	<b>49.731.110.540</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	35.326.000.000	-	1.868.174.955	3.303.364.068	9.233.571.517	49.731.110.540
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.343.080.638	7.343.080.638
- Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	88.315.000.000	-	-	-	-	88.315.000.000
- Chi phát hành cổ phiếu	-	(302.784.117)	-	-	-	(302.784.117)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ LN năm 2015	-	-	-	-	(279.094.703)	(279.094.703)
- Lợi nhuận từ phí dịch vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	-	(1.417.518.723)	(1.417.518.723)
- Trích thù lao HĐQT, BKS năm 2015	-	-	-	-	(157.000.000)	(157.000.000)
- Trích kinh phí HĐQT năm 2016	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
- Chi thường Ban Giám Đốc	-	-	-	-	(20.000.000)	(20.000.000)
- Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(1.766.300.000)	(1.766.300.000)
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>123.641.000.000</b>	<b>(302.784.117)</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>3.303.364.068</b>	<b>12.636.738.729</b>	<b>141.146.493.635</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	VND	USD	VND	USD
<b>Ngoại tệ các loại</b>				
Đô la Mỹ (USD)	217.286.597,00	9.567,00	72.540.440,00	3.231,20

**20. DOANH THU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>40.170.887.262</b>	<b>34.586.338.013</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	24.847.359.950	22.038.438.486
+ Doanh thu ăn uống	7.411.796.498	7.007.601.231
+ Doanh thu dịch vụ khác	6.139.292.408	3.968.864.186
+ Doanh thu phí dịch vụ	1.772.438.406	1.571.434.110
<b>b) Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>c) Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>40.170.887.262</b>	<b>34.586.338.013</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	24.847.359.950	22.038.438.486
+ Doanh thu ăn uống	7.411.796.498	7.007.601.231
+ Doanh thu dịch vụ khác	6.139.292.408	3.968.864.186
+ Doanh thu phí dịch vụ	1.772.438.406	1.571.434.110
<b>d) Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>1.194.036.370</b>	<b>1.001.171.592</b>
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Saigontourist	1.192.763.643	1.001.171.592
- Công ty CP Bông Sen	1.272.727	-

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn phòng ngủ	15.610.172.410	14.745.312.510
Giá vốn ăn uống	6.817.607.342	6.356.568.987
Giá vốn dịch vụ khác	872.276.559	799.195.373
<b>Cộng</b>	<b>23.300.056.311</b>	<b>21.901.076.870</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	688.136.432	362.400.710
Lãi đầu tư chứng khoán	77.000	44.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	192.107.510	2.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.608.051	20.978.857
Lãi chênh lệch tỷ giá do bán ngoại tệ	-	13.430.556
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	2.024.800	1.405.069
<b>Cộng</b>	<b>902.953.793</b>	<b>398.261.192</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	984.256.631	1.376.887.435
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.534.356	1.284.767
<b>Cộng</b>	<b>985.790.987</b>	<b>1.378.172.202</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.834.596.557	2.989.017.357
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	53.360.667	127.184.616
Thuế phí, lệ phí	2.656.706.186	2.973.675.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.707.281	196.912.726
Chi phí bằng tiền khác	1.004.046.514	722.010.694
<b>Cộng</b>	<b>7.657.417.205</b>	<b>7.008.801.356</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	17.318.181	18.768.172
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	10.980.000
Thu phạt hủy hợp đồng bồi thường vật dụng	105.918.922	66.660.712
Hoàn nhập tiền thuế đất trích thừa	-	412.431.413
Thu nhập khác	60.546.565	55.952.929
<b>Cộng</b>	<b>183.783.668</b>	<b>564.793.226</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	159.048.299	52.955.279
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	11.078.382	13.168.198
Giá trị còn lại của hàng bẻ vỡ, bồi thường	2.734.941	9.102.924
Phí gia hạn thẻ visa cho khách năm 2014	-	1.836.700
Chi phí khác	11.180.878	2.293.313
<b>Cộng</b>	<b>184.042.500</b>	<b>79.356.414</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.130.317.720</b>	<b>5.181.985.589</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>89.791.979</b>
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	89.791.979
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế</b>	<b>(194.132.310)</b>	<b>(1.405.069)</b>
+ Lợi nhuận được chia từ Ngân Hàng TMCP Phương Đông	(192.107.510)	-
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi NH	(2.024.800)	(1.405.069)
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>8.936.185.410</b>	<b>5.270.372.499</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.787.237.082	1.159.481.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2014	-	5.838.000
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.787.237.082</b>	<b>1.165.319.949</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	7.343.080.638	4.016.665.640
Phải trả nhân viên về phí phục vụ (VND)	(1.417.518.723)	(1.225.347.178)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(522.328.699)	(279.094.703)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.403.233.216	2.512.223.759
Số cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	4.304.753	3.532.600
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.255</b>	<b>711</b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế trong năm (đã trừ khoản phải trả phí phục vụ) với giá trị là 279.000.000 đồng. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 27/NQ-ĐHĐCĐ 2016 ngày 20/4/2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 279.094.703 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 được căn cứ theo Báo cáo số 06/BCQT- 2017 về việc báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	7.343.080.638	4.016.665.640
Phải trả nhân viên về phí phục vụ (VND)	(1.417.518.723)	(1.225.347.178)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(522.328.699)	(279.094.703)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.403.233.216	2.512.223.759
Số cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	4.304.753	3.532.600
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.255</b>	<b>711</b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế trong năm (đã trừ khoản phải trả phí phục vụ) với giá trị là 279.000.000 đồng. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 27/NQ-ĐHĐCĐ 2016 ngày 20/4/2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 279.094.703 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu. Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 được căn cứ theo Báo cáo số 06/BCQT- 2017 về việc báo cáo tình hình quản trị công ty niêm yết đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.222.884.107	2.611.838.826
Chi phí nhân công	12.337.617.999	9.843.878.102
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.173.270.807	3.969.415.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.724.283.537	3.647.248.776
Thuế phí, lệ phí	2.656.706.186	2.973.675.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.256.162.740	3.151.759.460
Chi phí khác bằng tiền	3.586.548.140	2.712.061.658
<b>Cộng</b>	<b>30.957.473.516</b>	<b>28.909.878.226</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**31.1 GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.556.058.614	-	89.556.058.614
Chứng khoán kinh doanh	2.794.900.000	-	2.794.900.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	3.203.050.499	300.000.000	3.503.050.499
<b>Cộng</b>	<b>95.554.009.113</b>	<b>300.000.000</b>	<b>95.854.009.113</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.246.375.937	-	12.246.375.937
Chứng khoán kinh doanh	2.794.900.000	-	2.794.900.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	3.073.473.838	300.000.000	3.373.473.838
<b>Cộng</b>	<b>18.114.749.775</b>	<b>300.000.000</b>	<b>18.414.749.775</b>

**31.2 TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong kỳ, Công ty sử dụng tài sản tài chính để ký quỹ bắt buộc tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) để cung cấp dịch vụ lữ hành theo quy định của Luật Du lịch với tổng số tiền 300.000.000 đồng.

*Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2016.

**31.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

*Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

*Rủi ro tiền tệ*

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	VND	USD	VND	USD
<b>Ngoại tệ các loại</b>				
Đô la Mỹ (USD)	217.286.597,00	9.567,00	72.540.440,00	3.231,20

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty chưa có chính sách tín dụng nhưng có thực hiện theo dõi tình hình công nợ đối với các khách hàng phát sinh giao dịch lớn và thường xuyên để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Rủi ro thanh khoản (Tiếp)*

<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại 31/12/2016</b>			
Phải trả cho người bán	430.387.378	-	430.387.378
Chi phí phải trả	346.785.000	-	346.785.000
Các khoản phải trả khác	66.915.389	1.674.000.000	1.740.915.389
<b>Cộng</b>	<b>844.087.767</b>	<b>1.674.000.000</b>	<b>2.518.087.767</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	4.000.000.000	15.904.829.929	19.904.829.929
Phải trả cho người bán	644.960.680	-	644.960.680
Chi phí phải trả	77.254.706	-	77.254.706
Các khoản phải trả khác	119.244.023	1.425.000.000	1.544.244.023
<b>Cộng</b>	<b>4.841.459.409</b>	<b>17.329.829.929</b>	<b>22.171.289.338</b>

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, phần lớn tài sản tài chính của Công ty là tài sản có thể thu hồi trong vòng 1 năm. Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại 31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.556.058.614	-	89.556.058.614
Chứng khoán kinh doanh	2.794.900.000	-	2.794.900.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	3.203.050.499	300.000.000	3.503.050.499
<b>Cộng</b>	<b>95.554.009.113</b>	<b>300.000.000</b>	<b>95.854.009.113</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.246.375.937	-	12.246.375.937
Chứng khoán kinh doanh	2.794.900.000	-	2.794.900.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	3.073.473.838	300.000.000	3.373.473.838
<b>Cộng</b>	<b>18.114.749.775</b>	<b>300.000.000</b>	<b>18.414.749.775</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

<b>Năm 2016</b>	<b>Phòng nghỉ</b>	<b>Ăn uống</b>	<b>Khác</b>	<b>Phi dịch vụ</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.847.359.950	7.411.796.498	6.139.292.408	1.772.438.406	40.170.887.262
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>24.847.359.950</b>	<b>7.411.796.498</b>	<b>6.139.292.408</b>	<b>1.772.438.406</b>	<b>40.170.887.262</b>
Chi phí bộ phận	(15.610.172.410)	(6.817.607.342)	(872.276.559)	-	(23.300.056.311)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>9.237.187.540</b>	<b>594.189.156</b>	<b>5.267.015.849</b>	<b>1.772.438.406</b>	<b>16.870.830.951</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.657.417.205)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>9.213.413.746</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					902.953.793
Chi phí tài chính					(985.790.987)
Thu nhập khác					183.783.668
Chi phí khác					(184.042.500)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.787.237.082)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>7.343.080.638</b>
<b>Tổng tài sản</b>					<b>147.886.157.455</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>6.739.663.820</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)**

Năm 2015	Phòng nghỉ	Ăn uống	Khác	Phí dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.038.438.486	7.007.601.231	3.968.864.186	1.571.434.110	34.586.338.013
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>22.038.438.486</b>	<b>7.007.601.231</b>	<b>3.968.864.186</b>	<b>1.571.434.110</b>	<b>34.586.338.013</b>
Chi phí bộ phận	(14.745.312.510)	(6.356.568.987)	(799.195.373)	-	(21.901.076.870)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>7.293.125.976</b>	<b>651.032.244</b>	<b>3.169.668.813</b>	<b>1.571.434.110</b>	<b>12.685.261.143</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.008.801.356)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>5.676.459.787</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					398.261.192
Chi phí tài chính					(1.378.172.202)
Thu nhập khác					562.620.499
Chi phí khác					(77.183.687)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.165.319.949)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>4.016.665.640</b>
<b>Tổng tài sản</b>					<b>74.773.015.907</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>25.041.905.367</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>1.194.036.370</b>	<b>1.001.171.592</b>
- Công ty TNHH MTV DV Lữ hành Saigontourist	1.192.763.643	1.001.171.592
- Công ty CP Bông Sen	1.272.727	-

**Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng thu nhập của ban giám đốc</b>	<b>740.524.000</b>	<b>519.656.000</b>
- Lương và phụ cấp	720.524.000	499.750.000
- Các khoản phúc lợi khác	20.000.000	19.906.000
<b>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>	<b>457.000.000</b>	<b>143.000.000</b>
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	457.000.000	143.000.000

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>116.820.000</b>	<b>90.843.000</b>
- Công ty TNHH MTV DV Lữ hành Saigontourist	115.420.000	90.843.000
- Công ty CP Bông Sen	1.400.000	-

**33.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997.

**33.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**33.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**33.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.



**Đỗ Đăng Huy**  
Giám đốc



**Huỳnh Thị Thanh Nhân**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thu Sương**  
Người lập biểu

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017*

